TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H N** **TỈNH N A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2022/HNGĐ-ST Ngày: 27 - 01 - 2022 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H N, TỈNH N A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phan H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải và bà Nguyễn Thị Yến.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Cao Trà My, Thư ký Toà án nhân dân huyện H N, tỉnh N A.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H N, tỉnh Nghệ An:*** Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H N, tỉnh N A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2021/ TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị V T H; Sinh năm: 1993. Địa chỉ: Xóm X, xã H T, huyện H N, tỉnh N A. Có mặt

Bị đơn: Anh N V H; Sinh năm: 1988. Địa chỉ: Xóm X, xã H T, huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 17 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị V T H trình bày: Chị và anh N V H kết hôn với nhau ngày 16/5/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện L, tỉnh N A. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020. Nay chị

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu được ly hôn với anh H để giải phóng cho nhau.Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là N T M T, sinh ngày 26/01/2012; N V C, sinh ngày 01/01/2015 và N B K, sinh ngày 27/02/2019. Nguyện vọng của chị sau ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N T M T và cháu N B K. Nhường quyền nuôi cháu N V C cho anh H. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh N V H trình bày: Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn giữa anh và chị V T H đúng như chị H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị cũng có xẩy ra một số mâu thuẫn, vợ anh ngoại tình. Tuy nhiên vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn với chị H, muốn vợ chồng quay lại để đoàn tụ cuộc sống gia đình. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung đúng như chị H trình bày. Nếu ly hôn, nguyện vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N V C và cháu N B K. Nhường quyền nuôi cháu N T M T cho chị H. Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị V T H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh N V H vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị V T H ly hôn với anh N V H. Về con chung: giao hai cháu N T M T và cháu N B K cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu N V C cho anh H nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị H và anh H vì không bên nào có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: Chị V T H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung". Bị đơn anh N V H có hộ khẩu thường trú tại Xóm X, xã H T, huyện H N, tỉnh N A. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do hai bên không hòa giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện H N đã đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã tống đạt trực tiếp cho anh H, tuy nhiên anh H không hợp tác và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị V T H và anh N V H đăng ký kết hôn ngày 16/5/2011tại UBND xã N H, huyện L, tỉnh N A là không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xẩy ra cãi vã.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị V T H cương quyết ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh N V H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng không đạt kết quả, chị H vẫn cương quyết ly hôn .

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị V T H được ly hôn anh N V H.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Chị V T H và anh N V H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấynguyện vọng nuôi được nuôi con của anh chị là chính đáng. Hiện tại cháu N T M T, cháu N B K đang ở với mẹ, cháu N V C đang ở với bố. Cuộc sống sinh hoạt và học tập của các cháu đều đang ổn định và được đảm bảo. Cháu N B K dưới 36 tháng tuổi nên cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N T M T có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung tên là N T M T, sinh ngày 26/01/2012 và N B K, sinh

ngày 27/02/2019 cho chị H; giao con chung là N V C, sinh ngày 01/01/2015 cho anh N V H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh H không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H và anh H.

[4]. *Về tài sản chung và khoản nợ*: Chị V T H và anh N V H không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị V T H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị V T H được ly hôn anh N V H.

2. Về con chung: Giao con chung là N T M T, sinh ngày 26/01/2012 và N B K, sinh ngày 27/02/2019 cho chị V T H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Giao con chung là N V C, sinh ngày 01/01/2015 cho anh N V H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V T H và anh N V H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị V T H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện H N theo biên lai thu tiền số 0005033 ngày 06 tháng 8 năm 2021. Chị H đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N A;
- VKSND huyện H N;
- THADS huyện H N
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phan Hương